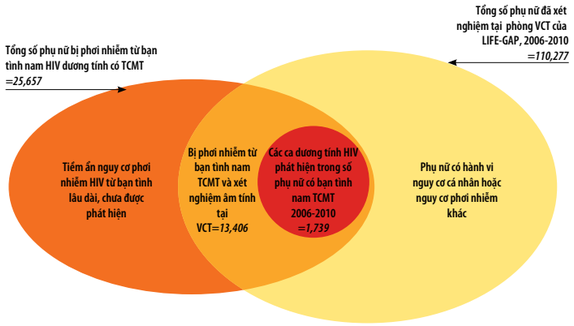
4. Kết luận

Từ năm 2006 – 2010, có một số lượng lớn phụ nữ có nguy cơ tiềm ẩn lây nhiễm HIV từ bạn tình nam giới lâu dài có hành vi nguy cơ cao. Điều này đòi hỏi sự quan tâm đúng mức của các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý tại Việt Nam. Kết quả phân tích số liệu VCT và các nguồn số liệu khác chỉ ra rằng gánh nặng của nguy cơ lây nhễm HIV trong quan hệ bạn tình lâu dài có liên quan chặt chẽ với hành vi cá nhân của phụ nữ.

Nhìn nhận về độ bao phủ của chương trình, chúng tôi thấy có sự trái ngược giữa số lượng phụ nữ bị phơi nhiễm HIV từ bạn tình nam lâu dài có hành vi nguy cơ cao, so với số phụ nữ được xét nghiệm tại các điểm VCT. Ví dụ: có 15.145 phụ nữ được xét nghiệm tại các điểm VCT cho biết nguy cơ phơi nhiễm duy nhất của họ là có bạn tình tiêm chích ma túy và trong số đó có 1.739 người xét nghiệm dương tính so với 25.657 người có nguy cơ tiềm ẩn phơi nhiễm từ nam giới tiêm chích ma túy. Hình 5 minh họa các điểm VCT của dự án LIFE GAP dường như cho thấy một tỷ lệ lớn phụ nữ có nguy cơ phơi nhiễm HIV từ bạn tình lâu dài là người tiêm chích ma túy. Tuy nhiên, các điểm VCT cuả dự án LIFE GAP lại cho thấy một tỉ lệ rất thấp phụ nữ có nguy cơ tiềm ẩn phơi nhiễm HIV từ bạn tình nam giới lâu dài là khách hàng của phụ nữ bán dâm.

Hình 5: Mức độ IPT từ nam tiêm chích ma túy, so sánh nguy cơ phơi nhiễm tiềm ẩn với số phụ nữ phát hiện HIV dương tính tại các điểm VCT *(Kích cỡ hình vẽ không thể hiện chính xác tỉ lệ)*



Nỗ lực của nghiên cứu này cũng đã đem lại một số phát hiện có ý nghĩa liên quan đến IPT tại Việt Nam bao gồm:

- Tăng cường việc thu thập thường xuyên các số liệu dịch tễ học liên quan đến nguy cơ phơi nhiễm ở phụ nữ nói chung và phụ nữ có bạn tình nam có hành vi nguy cơ cao nói riêng. Thường xuyên rà soát các báo cáo trường hợp từ nhiều nguồn khác nhau, như: VCT, các phòng khám STI và các phòng thăm khám thai, để xác định liệu việc gia tăng các ca nhiễm phát hiện ở phụ nữ có phải do gia tăng lây nhiễm qua đường tình dục khác giới, hay do gia tăng số lượng xét nghiệm ở phụ nữ, hay do cả hai.
- Trong tương lai, cần tiến hành các nghiên cứu có số liệu liên quan giữa các cặp bạn tình, vì các nghiên cứu hiện tại mới chỉ thu thập số liệu riêng rẽ giữa phụ nữ và nam giới, mà không chú trọng vào các cặp đôi.
- Trong thời gian tới, cần tiến hành các nghiên cứu tìm hiểu về các yếu tố giới có ảnh hưởng như thế nào tới nguy cơ lây nhiễm HIV ở các cặp bạn tình lâu dài.

Nguy cơ lây nhiễm HIV trong quan hệ bạn tình lâu dài cần được được xem xét như một vấn đề ưu tiên trong nỗ lực dự phòng HIV tại Việt Nam. Các chương trình dự phòng HIV hiện tại cho nhóm tiêm chích ma túy, nam giới mua dâm của phụ nữ mại dâm và nam quan hệ tình dục đồng giới cần nên bổ sung nỗ lực tiếp cận vợ hoặc bạn tình nữ lâu dài của những nam giới này.

5. Khuyến nghị về chính sách và chương trình can thiệp giải quyết nguy cơ lây nhiễm HIV trong quan hệ bạn tình tại Việt Nam.

- *Các chương trình dự phòng HIV hiện nay đang tập trung vào những người sử dụng ma túy, nam mua dâm và nam quan hệ tình dục đồng giới cũng nên bổ sung các nỗ lực dự phòng lây nhiễm HIV từ những nhóm này sang bạn tình nữ lâu dài. Trước tiên, cần giáo dục cho nhóm nam có hành vi nguy cơ cao nhằm tăng cường nhận thức về nguy cơ lây truyền HIV sang bạn tình nữ. Khi có điều kiện, cần tìm cách thu hút trực tiếp bạn tình nữ lâu dài của các nhóm này vào các nỗ lực dự phòng lây nhiễm HIV. Cần xây dựng hướng dẫn chuẩn cho việc lồng ghép các hoạt động dự phòng lây nhiễm HIV ở các cặp bạn tình lâu dài vào các chương trình dự phòng HIV hiện nay.*
- *Tăng cường năng lực, mở rộng phạm vi can thiệp và tăng cường hỗ trợ tư vấn sau xét nghiệm để công khai tình trạng nhiễm với bạn tình lâu dài và hướng tới đa dạng nhóm khách hàng có hành vi nguy cơ nhạy cảm. Lồng ghép và tăng cường dịch vụ hỗ trợ cho các dịch vụ thông báo cho bạn tình trong các xét nghiệm do khách hàng khởi xướng hay người cung cấp dịch vụ khởi xướng.*
- *Tăng cường và đánh giá các chương trình tư vấn và xét nghiệm cặp bạn tình (CHCT), quảng bá một cách có chiến lược về các dịch vụ tư vấn và xét nghiệm cho các cặp bạn tình có nguy cơ lây nhiễm HIV trong mối quan hệ bạn tình lâu dài.*
- *Tăng cường truyền thông cho các cặp bạn tình và nhấn mạnh về quyền tự quyết cá nhân và tự quyết về tài chính của phụ nữ có thể gián tiếp làm giảm nguy cơ lây nhiễm HIV trong mối quan hệ bạn tình lâu dài, thậm chí ngay cả khi không biết về tình trạng HIV của bạn tình nam hay nữ.*
- *Với quan điểm là tính hiệu quả của điều trị là dự phòng, cần tạo điều kiện cho tất cả các cặp bạn tình có một người đã nhiễm HIV được tiếp cận điều trị ARV, không tính đến việc bạn tình dương tính đã bị nhiễm như thế nào.*

THÔNG TIN TÓM TẮT

Ước tính nguy cơ lây nhiễm HIV trong quan hệ bạn tình lâu dài tại Việt Nam

KIỂM TRA CHÉO CÁC DỮ LIỆU

1. Giới thiệu

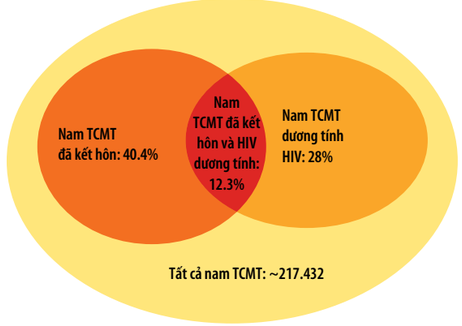
Phần lớn các ca nhiễm HIV tại Việt Nam xảy ra trong nhóm nam giới có các hành vi nguy cơ cao, đặc biệt là tiêm chích ma túy. Tuy nhiên, có sự gia tăng chậm và liên tục về tỉ lệ phụ nữ nhiễm HIV ở các ca nhiễm được báo cáo, hiện tại chiếm 31%, đang làm dấy lên mối quan ngại về nguy cơ lây nhiễm HIV trong quan hệ bạn tình lâu dài (IPT) tại Việt Nam. Theo đó, những phụ nữ thường được coi là không có yếu tố nguy cơ, nay lại bị lây nhiễm do có quan hệ tình dục với chồng, hoặc với bạn tình lâu dài đã nhiễm HIV do tiêm chích ma túy (TCMT), hoặc quan hệ tình dục không an toàn với người mại dâm hoặc với bạn tình nam giới khác (MSM). Mức độ nguy cơ lây nhiễm trong quan hệ bạn tình lâu dài tại Việt Nam, cùng với các yếu tố giới, văn hóa và xã hội, có tác động đến tình trạng lây nhiễm này hiện vẫn chưa được nhận biết đầy đủ.

Với nỗ lực nhằm hiểu biết rõ hơn về vấn đề này, UNAIDS và UN Women đã phối hợp với các cơ quan chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các đối tác quốc tế[1] tiến hành kiểm tra chéo và phân tích bổ sung các số liệu hiện có từ nhiều nguồn khác nhau. Số liệu từ các cơ sở tư vấn xét nghiệm tự nguyện của Dự án LIFEGAP, Ước tính và Dự báo HIV/AIDS, Giám sát Hành vi và các chỉ số sinh học (IBBS), Điều tra đánh giá Các chỉ số khác nhau, Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với Phụ nữ và sáu nghiên cứu về hành vi của người sống với HIV và/hoặc các nhóm hành vi nguy cơ cao khác đã được sử dụng trong nghiên cứu này.

2. Những phát hiện chính

Nguy cơ phơi nhiễm HIV từ chồng và bạn tình lâu dài

Hình 1: Tỷ lệ nam tiêm chích ma túy đã kết hôn và HIV dương tính *(Kích cỡ hình vẽ không thể hiện chính xác tỉ lệ)*



Để ước tính có bao nhiêu phụ nữ có nguy cơ phơi nhiễm HIV do hành vi nguy cơ của chồng hoặc bạn trai lâu dài, nhóm nghiên cứu đã tính toán để biết hiện có bao nhiêu nam giới thuộc ba nhóm hành vi nguy cơ cao ở Việt Nam, đó là:

- Kết hôn (hoặc có bạn tình), HIV dương tínhvà tiêm chích ma túy;
- Kết hôn (hoặc có bạn tình), HIV dương tính và đã quan hệ với phụ nữ mại dâm;
- Kết hôn (hoặc có bạn tình), HIV dương tính và đã quan hệ tình dục với nam giới khác.

Ví dụ, ước tính nam giới kết hôn, HIV dương tính và tiêm chính ma túy được trình bày trong Hình 1. Giả định rằng những nam giới trong nhóm phân loại này, có quan hệ tình dục thường xuyên với vợ hoặc bạn tình, và những phụ nữ này có thể có nguy cơ lây nhiễm HIV do mối quan hệ bạn tình lâu dài này. Bằng cách nhân những tỉ lệ phần trăm này với các ước tính cỡ quần thể của từng loại hành vi nguy cơ cao trong nhóm nam này, ước tính số phụ nữ tiềm ẩn nguy cơ phơi nhiễm với HIV từ chồng hoặc bạn tình lâu dài sẽ là:

Nhóm nam có hành vi nguy cơ cao	Cỡ quần thể *(ước tính thấp)*	Cỡ quần thể *(ước tính cao)*	% kết hôn	% HIV Dương tính	% kết hôn và HIV dương tính	# Số phụ nữ phơi nhiễm *(Ước tính thấp)*	# Số phụ nữ phơi nhiễm *(ước tính cao)*
Người tiêm chích ma túy	98,874	335,990	40.4	28.0	10.1	9,986	41,327
Khách mua dâm	1,581,790	31,163,580	48.4	9.7	3.4	37,963	107,562
Nam tình dục đồng giới (MSM)	177,456	393,467	19.8	12.1	2.8	4,969	11,017
					TỔNG:	52,918	159,906

[1] Cục phòng chống HIV/AIDS – Bộ Y tế; Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương; Tổng cục Thống kê; Tổ chức Sức khỏe Gia đình Quốc tế (FHI 360); Dịch vụ dân số quốc tế và Trung tâm Hỗ trợ sáng kiến cộng đồng.

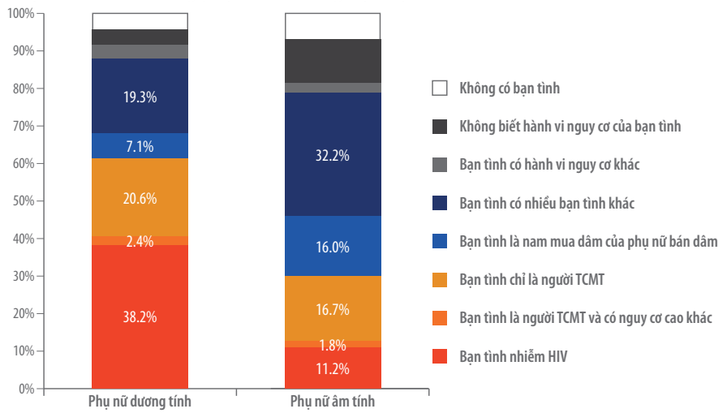
Tháng 3 năm 2012

Cộng tất cả số lượng những người vợ có nguy cơ phơi nhiễm HIV trong mối quan hệ bạn tình lâu dài đưa ra cho chúng ta số ước tính ở mức thấp là 52.918 và mức cao là 159.906 người. Ước tính trung bình - mức trung bình giữa ước tính cao và ước tính thấp cho thấy: Việt Nam có khoảng ***107.499 phụ nữ tiềm ẩn nguy cơ bị phơi nhiễm HIV từ bạn tình nam giới lâu dài HIV dương tính có tham gia vào những hành vi nguy cơ cao trong giai đoạn 2006 - 2010 .***

Tỷ lệ các ca nhiễm HIV ở phụ nữ trong mối quan hệ bạn tình lâu

Để ước tính *có bao nhiêu ca nhiễm HIV được phát hiện ở phụ nữ có thể lây từ mối quan hệ bạn tình lâu dài, so với số nhiễm ở những phụ nữ có nguy cơ cao do chính hành vi của cá nhân*, nhóm nghiên cứu đã phân tích số liệu từ các ca nhiễm ở những phụ nữ, có cho biết thông tin về hành vi nguy cơ của bạn tình. Theo số liệu của các cơ sở tư vấn, xét nghiệm tự nguyện (VCT) khoảng thời gian 2006 - 2010, ***có 54% phụ nữ dương tính HIV cho biết nguy cơ phơi nhiễm duy nhất đối với họ là từ chồng hoặc bạn tình lâu dài có hành vi nguy cơ cao***. Kết hợp các hành vi nguy cơ ở cả bạn tình nam và nữ thì nhiễm HIV chiếm 22%, và 5,1% số nhiễm mới ở những phụ nữ do hành vi nguy cơ của cá nhân(xem Hình 2).

Hình 2: Nguy cơ nhiễm HIV được báo cáo từ những phụ nữ tới xét nghiệm tại các cơ sở VCT từ 2006-2010



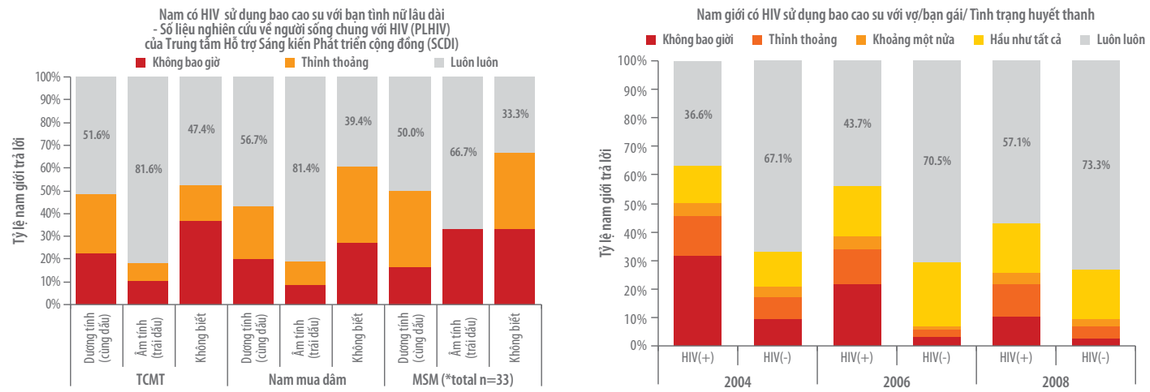
Nguồn: *Dự án LIFE-GAP do CDC tài trợ*

Số liệu từ các cơ sở VCT vẫn tồn tại một số hạn chế, có thể dẫn tới ước tính quá mức tỷ lệ các ca nhiễm ở những người có mối quan hệ tình dục lâu dài. Ví dụ, một số người mại dâm có thể không thừa nhận họ đã bán dâm khi tới các cơ sở xét nghiệm. Mặt khác, các số liệu của VCT không thu thập số ca xét nghiệm dương tính ở những phụ nữ mang thai tại các cơ sở thăm khám thai, có thể ở đó tỷ lệ nhiễm HIV cao hơn ở những phụ nữ chỉ có nguy cơ duy nhất bị nhiễm HIV từ những người bạn tình có hành vi nguy cơ cao.

Tuy nhiên, các cuộc điều tra nhằm khảo sát việc sử dụng bao cao su ở nhóm nam giới biết về tình trạng nhiễm HIV của bản thân, đã hỗ trợ giả thuyết rằng một tỷ lệ lớn các ca nhiễm HIV ở phụ nữ trong giai đoạn 2006 - 2010 là do lây truyền qua mối quan hệ bạn tình lâu dài. Một điều tra năm 2008 cho thấy 8,2% nam giới tiêm chích ma túy, HIV dương tính cho biết: không bao giờ sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục với vợ; 23,5% nói rằng họ "thỉnh thoảng" hoặc "khoảng ½ số lần quan hệ tình dục" hoặc "hầu như luôn luôn" sử dụng bao cao su. Trong số khách mua dâm nam có HIV dương tính trong một cuộc điều tra tiến hành năm 2008, chỉ có 48% cho biết họ luôn luôn sử dụng bao cao su với vợ và 5,1% trả lời họ không bao giờ sử dụng bao cao su. Nghiên cứu năm 2009 cho thấy khoảng một phần ba số nam giới đã biết tình trạng nhiễm HIV của bản thân, nhưng không thường xuyên sử dụng bao cao su với vợ, trong đó 20% không bao giờ sử dụng bao cao su. Trong số những người không biết về tình trạng nhiễm HIV của bạn tình nữ, chỉ có gần ½ trong số họ thường xuyên sử dụng bao cao su. Điều quan trọng cần phải nhấn mạnh rằng: các quần thể tham gia các nghiên cứu này không bao gồm nhiều nam giới khác, đã nhiễm HIV, nhưng chưa xét nghiệm hoặc không biết về tình trạng nhiễm HIV của bản thân. Do đó, mức độ sử dụng bao cao su có thể còn thấp hơn nữa trong nhóm này. Số liệu từ các nghiên cứu này cho thấy tỷ lệ sử dụng bao cao su tương đối cao trong nhóm phụ nữ biết bạn tình của họ có HIV và khi nam giới HIV dương tính biết vợ của họ không bị nhiễm HIV. *Nghiên cứu này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc công khai tình trạng nhiễm HIV cho bạn tình lâu dài và tư vấn và xét nghiệm cho các cặp bạn tình*.

Ước tính mức độ lây nhiễm HIV trong quan hệ bạn tình lâu dài

Hình 3: Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên của nam giới có HIV theo nhóm bạn tình nữ dương tính



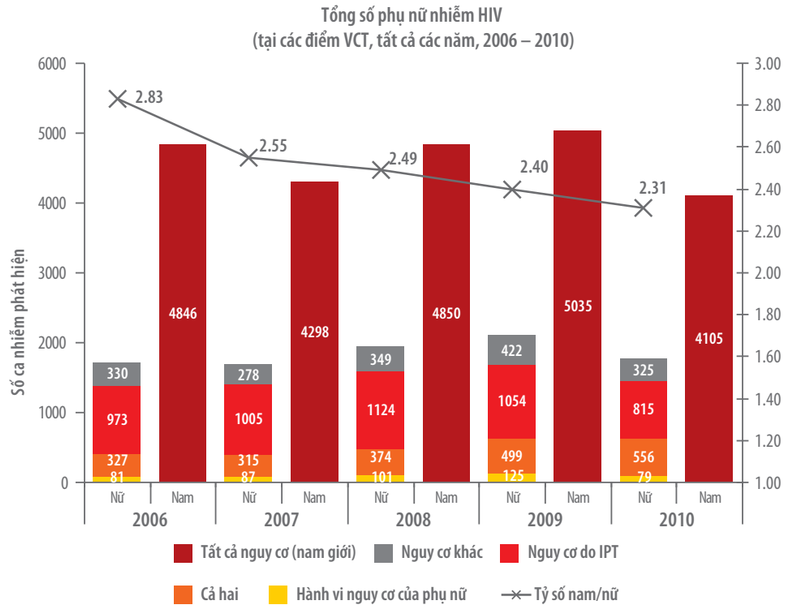
Nguồn: *Biểu đồ bên trái, sử dụng số liệu nghiên cứu của SCDI năm 2009, phân theo nhóm nam giới có hành vi nguy cơ cao. Biểu đồ bên phải, sử dụng số liệu nghiên cứu 3 năm của NIHE về các ca dương tính.*

3. Xu hướng thay đổi qua các năm

So sánh số liệu nghiên cứu về người sống chung với HIV qua các năm cho thấy có sự gia tăng tỉ lệ nam giới có HIV sử dụng bao cao su, mặc dù không có địa bàn so sánh đối chứng. Để ước tính những thay đổi các ca nhiễm HIV do mối quan hệ tình dục lâu dài và do hành vi nguy cơ cá nhân của phụ nữ, nhóm nghiên cứu đã sử dụng số liệu VCT từ 2006 – 2010. Phân tích số liệu này cho thấy ***tỉ lệ phụ nữ nhiễm HIV được đánh giá là do cả hành vi nguy cá nhân và hành vi nguy cơ của bạn tình tăng từ 16% năm 2006 lên 31% năm 2010***. Phụ nữ dương tính HIV do hành vi nguy cơ của bạn tình lâu dài đã giảm từ 57% năm 2006 xuống còn 46% năm 2010. Tỉ lệ phụ nữ xét nghiệm dương tính với HIV tại các phòng khám VTC và cho biết nguyên nhân phơi nhiễm là do các yếu tố nguy cơ của cá nhân họ chiếm tỉ lệ rất thấp chỉ xấp xỉ 5% và luôn duy trì ổn định trong năm năm qua bao gồm cả phân tích này.

Nhóm kiểm tra chéo cũng đã tính toán tỉ số phụ nữ so với nam giới trong số ca nhiễm HIV được báo cáo tại các phòng khám VCT đã thay đổi từ mức 3.0 năm 2006 giảm xuống còn 2.3 vào năm 2010 - Tỷ số này hoàn toàn giống với tỉ số đã tính toán trong Ước tính và Dự báo cấp quốc gia 2007 - 2012.

Hình 4: Xu hướng nguy cơ của phụ nữ xét nghiệm tại các điểm VCT và tỷ số nữ so với nam trong số các ca nhiễm



Nguồn: *Dự án LIFE-GAP do CDC tài trợ*